

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC DIỆP HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC DIỆP HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110538383

3. Ngày thành lập: 10/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

xóm Tây, thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0528023960

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết :Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659(Chính)
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Trồng cây lâu năm khác	0129
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dịch vụ báo cáo tòa án; hoạt động đấu giá; dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức của Đảng, đoàn thể)	8559
32.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập)	9000
33.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
34.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
35.	Lập trình máy vi tính	6201
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ môi giới, hoạt động quản lý quỹ)	6810
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ môi giới, hoạt động quản lý quỹ)	6820
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
45.	Quảng cáo	7310
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
47.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
48.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
52.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
55.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Không hoạt động tại trụ sở	0810
56.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón Không hoạt động tại trụ sở	0891
57.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
60.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
61.	Sản xuất giày, dép	1520
62.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
63.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
64.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
65.	In ấn	1811
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Sao chép bản ghi các loại	1820
68.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
69.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
70.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
71.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
72.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
73.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
74.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4791
76.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4799
77.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
78.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
79.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
80.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
82.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
83.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
84.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
85.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
89.	Bốc xếp hàng hóa	5224
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
92.	Bưu chính	5310
93.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
96.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
97.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
98.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
99.	Hoạt động hậu kỳ	5912
100.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
102.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
103.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
104.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Điều hành tua du lịch	7912

107.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
108.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
109.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
110.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
111.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
112.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
113.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
114.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
115.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
116.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
117.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
118.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
119.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
120.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
121.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
122.	Sản xuất điện	3511
123.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
124.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
125.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
126.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
127.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
128.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
129.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
130.	Tái chế phế liệu	3830
131.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
132.	Xây dựng nhà để ở	4101
133.	Xây dựng nhà không để ở	4102
134.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
135.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
136.	Xây dựng công trình điện	4221
137.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
138.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
139.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
140.	Xây dựng công trình thủy	4291
141.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

142.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
143.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
144.	Phá dỡ	4311
145.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
146.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
147.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
148.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
149.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
150.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
151.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
152.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
153.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
154.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
155.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
156.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
157.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 19.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THI NGỌC DIỆP

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 14/02/2004

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001304024551

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật
Tu Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: 32A Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 32A Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ NGỌC DIỆP

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/02/2004

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001304024551

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 32A Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 32A Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội